

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ I

Năm học : Năm học: 2022-2023

Trường : Trường Tiểu học Yên Bình

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Ghi chú
			Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					
				Nữ	Dân tộc	Nữ DT	Lớp ghép	K Tật		Nữ	Dân tộc	Nữ DT	Lớp ghép	K Tật		Nữ	Dân tộc	Nữ DT	Lớp ghép	K Tật	
I. Kết quả học tập																					
1. Tiếng Việt	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		130	43	23					39	26	1	1			48	25					
Hoàn thành		114	32	16					34	14					48	22	1	1			
Chưa hoàn thành		3	1					1	2												
2. Toán	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		136	39	21					45	27	1	1			52	27					
Hoàn thành		109	36	18					29	13					44	20	1	1			
Chưa hoàn thành		2	1					1	1												
3. Đạo đức	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		138	41	22					44	26	1	1			53	28					
Hoàn thành		109	35	17				1	31	14					43	19	1	1			
Chưa hoàn thành																					
4. Tự nhiên và Xã hội	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		135	40	22					43	26	1	1			52	28					
Hoàn thành		112	36	17				1	32	14					44	19	1	1			
Chưa hoàn thành																					
5. Nghệ thuật (Âm nhạc)	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		126	38	21					42	26	1	1			46	24					
Hoàn thành		121	38	18				1	33	14					50	23	1	1			
Chưa hoàn thành																					
6. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			

Hoàn thành tốt		128	38	21					43	26	1	1			47	24					
Hoàn thành		118	38	18				1	31	14					49	23	1	1			
Chưa hoàn thành		1							1												
7. Hoạt động trải nghiệm	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		145	48	28					48	28	1	1			49	25					
Hoàn thành		101	27	11					27	12					47	22	1	1			
Chưa hoàn thành		1	1					1													
8. Giáo dục thể chất	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		128	38	21					41	26	1	1			49	25					
Hoàn thành		119	38	18				1	34	14					47	22	1	1			
Chưa hoàn thành																					
9. TH-CN (Công nghệ)	96	96													96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		51													51	26					
Hoàn thành		45													45	21	1	1			
Chưa hoàn thành																					
10. TH-CN (Tin học)	96	96													96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		53													53	26					
Hoàn thành		43													43	21	1	1			
Chưa hoàn thành																					
11. Ngoại ngữ	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Hoàn thành tốt		125	37	20					43	26	1	1			45	23					
Hoàn thành		120	38	19					31	14					51	24	1	1			
Chưa hoàn thành		2	1					1	1												
12. Tiếng dân tộc	247																				
Hoàn thành tốt																					
Hoàn thành																					
Chưa hoàn thành																					
II. Năng lực cốt lõi																					
Năng lực chung																					
Tự chủ và tự học	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			

Tốt		132	41	24					40	24	1	1			51	29					
Đạt		113	34	15					34	16					45	18	1	1			
Cần cố gắng		2	1					1	1												
Giao tiếp và hợp tác	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		129	42	24					42	26	1	1			45	24					
Đạt		116	33	15					32	14					51	23	1	1			
Cần cố gắng		2	1					1	1												
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		121	38	21					39	24	1	1			44	22					
Đạt		124	37	18					35	16					52	25	1	1			
Cần cố gắng		2	1					1	1												
Năng lực đặc thù																					
Ngôn ngữ	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		129	40	22					39	26	1	1			50	26					
Đạt		116	35	17					35	14					46	21	1	1			
Cần cố gắng		2	1					1	1												
Tính toán	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		138	41	22					45	27	1	1			52	27					
Đạt		107	34	17					29	13					44	20	1	1			
Cần cố gắng		2	1					1	1												
Tin học	96	96													96	47	1	1			
Tốt		49													49	25					
Đạt		47													47	22	1	1			
Cần cố gắng																					
Công nghệ	96	96													96	47	1	1			

Tốt		49													49	25					
Đạt		47													47	22	1	1			
Cần cố gắng																					
Khoa học	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		133	45	26					40	25	1	1			48	25					
Đạt		114	31	13				1	35	15					48	22	1	1			
Cần cố gắng																					
Thẩm mĩ	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		133	45	25					42	25	1	1			46	25					
Đạt		114	31	14				1	33	15					50	22	1	1			
Cần cố gắng																					
Thể chất	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		137	46	24					43	26	1	1			48	24					
Đạt		110	30	15				1	32	14					48	23	1	1			
Cần cố gắng																					
III. Phẩm chất chủ yếu																					
Yêu nước	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		179	64	35					62	36	1	1			53	29					
Đạt		68	12	4				1	13	4					43	18	1	1			
Cần cố gắng																					
Nhân ái	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		164	52	27					61	36	1	1			51	27					
Đạt		83	24	12				1	14	4					45	20	1	1			
Cần cố gắng																					
Chăm chỉ	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			

Tốt		138	43	25					46	29	1	1			49	27					
Đạt		108	33	14				1	28	11					47	20	1	1			
Cần cố gắng		1							1												
Trung thực	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		148	50	28					47	28	1	1			51	27					
Đạt		99	26	11				1	28	12					45	20	1	1			
Cần cố gắng																					
Trách nhiệm	247	247	76	39				1	75	40	1	1			96	47	1	1			
Tốt		135	40	23					45	26	1	1			50	27					
Đạt		112	36	16				1	30	14					46	20	1	1			
Cần cố gắng																					
IV. Khen thưởng																					
- Giấy khen cấp trường																					
- Giấy khen cấp trên																					
V. HSDT được trợ giảng																					
VI. HS.K.Tật		1	1					1													
VII. HS bỏ học kỳ I																					
+ Hoàn cảnh GĐKK																					
+ KK trong học tập																					
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																					
+ Thiên tai, dịch bệnh																					
+ Nguyên nhân khác																					

Yên Bình, ngày 09 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG